TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 1118/2019/LĐ-PT Ngày: 27/11/2019 V/v Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Ông Bùi Liên Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hỷ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2019/TLPT-LĐ ngày 02/10/2019 về việc "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

Do Bản án lao động sơ thẩm số 1332/2019/LĐ-ST ngày 05/8/2019 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5533/2019/QĐ-PT ngày 08/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Quốc H, sinh năm: 1981; Cư trú tại: 19 Đường x, Tổ 31, Khu phố 5, phường C, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1973; Cư trú tại: 736/106 đường T, Phường P, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền công chứng số C ngày 18/7/2019 tại Văn phòng công chứng T, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

Bị đơn: Công ty M; Trụ sở tại: Tầng Q, tòa nhà P, 561 đường P, Phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế H2, sinh năm: 1973 - Chức vụ: Tổng Giám đốc; Cư trú tại: 92/12 đường B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền:

- Ông Nguyễn Đức H3, sinh năm: 1981; (Giấy uỷ quyền số 75/GUQ-TGĐ ngày 18/10/2019 của Công ty M) (vắng mặt khi tuyên án);

- Bà Nguyễn Thị Bích D; sinh năm: 1985 (Giấy uỷ quyền số 76/GUQ-TGĐ ngày 26/11/2019 của Công ty M) (có mặt).

Cùng đại chỉ liên hệ tại: Tầng Q, tòa nhà P, 561 đường P, Phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là ông Hoàng Quốc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Hoàng Quốc H có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn H1 trình bày:

Ngày 01/01/2016, ông Hoàng Quốc H có ký hợp đồng lao động số HM016/HĐLĐ-BGĐ với Công ty M (sau đây gọi tắt là Công ty M), hợp đồng không xác định thời hạn, công việc là nhân viên kinh doanh với mức lương là 4.200.000 đồng nhưng cộng các khoản như phụ cấp, thưởng thì hàng tháng ông H được nhận 7.524.200 đồng/tháng. Đến ngày 01/7/2017, Công ty M ra Thông báo số 23/TB về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với ông H và đến ngày 10/8/2017 Công ty M ra Quyết định số 27/QĐ-BGĐ về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông H, đến ngày 15/8/2017 thì ông H nghỉ làm việc tại Công ty. Ông H không đồng ý với Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động trên của Công ty M do ông không vi phạm nội quy, vi phạm thỏa ước lao động của Công ty. Ngoài ra, khi ông H không hoàn thành chỉ tiêu Công ty đề ra phải tổ chức phiên họp có lập biên bản ít nhất 02 lần liên tục trong 02 tháng và phải thông qua hội đồng kỷ luật của Công ty, đồng thời ông H cho rằng Biên bản họp nhân sự ngày 25/4/2017 có nội dung không đúng với diễn biến thực tế phiên họp về phần giao chỉ tiêu hàng tháng cho ông H. Nguyên đơn yêu cầu Công ty M phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền trong thời gian không được làm việc chỉ tính đến ngày 15/8/2018 như sau:

- Tiền lương trong thời gian không được làm việc: 7.524.200 đồng x 12 tháng = 90.290.400 đồng.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật: 7.524.200 đồng x 02 = 15.048.400 đồng.

Tổng cộng là: 105.338.800 đồng

Ông H yêu cầu Công ty M nhận ông trở lại làm việc.

Tại phiên toà ngày 05/8/2019, Đại diện nguyên đơn xin rút yêu cầu Công ty M nhận ông H trở lại làm việc.

Tại bản tự khai và và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn Công ty M có người đại diện theo ủy quyền - ông Nguyễn Đức H3 trình bày:

Vào ngày 01/01/2016, Công ty có ký hợp đồng lao động số HM016/HĐLĐ-BGĐ với ông Hoàng Quốc H, hợp đồng không xác định thời hạn, chức vụ là nhân viên kinh doanh, mức lương là 4.200.000 đồng nhưng cộng các khoản như phụ cấp, thưởng thì hàng tháng ông H được nhận 7.524.200 đồng/tháng. Đến ngày 01/7/2017, Công ty M ra Thông báo số 23/TB về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với ông H và đến ngày 10/8/2017 Công ty M ra Quyết định số 27/QĐ-BGĐ về việc chấm dứt hợp đồng lao động với Hùng, đến ngày 15/8/2017 thì ông H nghỉ làm việc tại Công ty. Công ty M chấm dứt hợp đồng lao động với ông H là do ông H không hoàn thành công việc được giao cụ thể là chỉ tiêu kinh doanh cho của Công ty, chứ ông H không vi phạm kỷ luật mà phải đưa ra hội đồng kỷ luật. Vào ngày 25/4/2017, Công ty M cũng đã mở phiên họp đối với trường hợp của ông H, nội dung phiên họp về vấn đề ông H không đạt chỉ tiêu kinh doanh do Công ty đề ra. Sau phiên họp trên ông H vẫn không hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh của Công ty đề ra, do đó Công ty đã làm thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động với ông H. Ông H đã làm cho Công ty thời gian dài nhưng hiệu quả công việc cũng như mức lợi nhuận mà ông H mang về cho Công ty không đủ trả lương cho ông H. Do khả năng làm việc, trình độ chuyên môn của ông H không đáp ứng như trong hợp đồng lao động đã ký kết nên Công ty phải chấm dứt hợp đồng lao động với ông H. Công ty không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 1332/2019/LĐ-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019, Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

- Áp dụng khoản 1 Điều 32, điểm c, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 38 của Bộ luật lao động năm 2012;

- Áp dụng khoản 1, Điều 12 Nghị định 44/2003/NĐ-CP ngày 09/05/2003 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của bộ luật lao động về hợp đồng lao động;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Hoàng Quốc H đối với các yêu cầu sau:

- Trả tiền lương trong thời gian không được làm việc do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật: 7.524.200 đồng x 23,5 tháng = 176.818.700 đồng.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật: 7.524.200 đồng x 02 = 15.048.400 đồng.

- Trợ cấp 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật: 7.524.200 đồng x 02 = 15.048.400 đồng.

- Đóng tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp là: 36.341.170 đồng.

Tổng cộng là: 243.256.670 đồng, trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu Công ty M nhận ông Hoàng Quốc H trở lại làm việc

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và quy định về thi hành án.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, nguyên đơn - ông Hoàng Quốc H có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm số 1332/2019/LĐ-ST ngày 05/8/2019 của Tòa án nhân dân quận T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H1 trình bày:

Mặc dù từ tháng 5/2016 đến hết tháng 6/2017 lợi nhuận ông H mang lại cho Công ty rất thấp không đủ trả lương cho ông H như trình bày của bị đơn, ông H không đưa về cho Công ty hợp đồng vận tải nào. Tuy nhiên, ông H đã làm việc cho Công ty từ năm 2010, các hợp đồng vận tải ông H đem về cho Công ty từ trước tháng 01/2016 là hợp đồng dài hạn kéo dài cho tới nay. Chỉ tiêu lao động mà Công ty nêu ra ngày 25/4/2017 không được quy định trong hợp đồng lao động cũng như quy chế lao động của Công ty và không được sự nhất trí của Ban chấp hành công đoàn Công ty và việc ông H đạt lợi nhuận kinh doanh thấp không được Công ty nhắc nhở bằng văn bản theo khoản 1 Điều 12 Nghị định số 44/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/5/2003. Ngoài ra, biên bản phiên họp ngày 25/4/2017 có sự tham gia của ông H nhưng ông H không ký xác nhận, hai trang đầu của biên bản phiên họp không có chữ ký của ông H. Chữ viết và chữ ký viết tay trang cuối biên bản là chữ viết và chữ ký của ông H, ông H không rõ lắm chỉ tiêu kinh doanh mà Công ty đưa ra. Do đó, việc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông H là trái pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể: Buộc Công ty M bồi thường cho nguyên đơn các khoản tiền như đã yêu cầu tại Tòa cấp sơ thẩm.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Đức H3 trình bày*:

Công ty M kinh doanh nghành dịch vụ vận tải gồm vận tải nội địa và vận tải quốc tế. Ông H là nhân viên kinh doanh phòng kinh doanh vận tải nội địa. Việc quy định chỉ tiêu kinh doanh cho từng nhân viên kinh doanh không thể quy định cụ thể trong quy chế, nội quy doanh nghiệp. Từ khi ký kết hợp đồng lao động (01/01/2016), hiệu quả kinh doanh ông H đạt được rất thấp không đủ trả lương cơ bản cho ông H nhưng Công ty vẫn tạo điều kiện cho ông H tiếp tục Làm việc và trả lương cho ông H đầy đủ như đã thỏa thuận tại hợp đồng lao động. Công ty đã nhiều lần nhắc nhở ông H về hiệu quả kinh doanh thấp nhưng ông H không tiếp thu. Từ tháng 5/2016 đến hết tháng 4/2017 tổng lợi nhuận ông H đưa về cho Công ty chỉ đạt 29.666.000 đồng nhưng Công ty đã phải trả lương cho ông H tổng cộng là 90.290.4000 đồng (chưa kể các khoản khác và các khoản nộp bảo hiểm xã hội). Do đó, ngày 25/4/2017, Công ty đã mời ông H tham gia phiên họp để quy định chỉ tiêu kinh doanh cho ông H cụ thể: Trong hai tháng 5/2017 và tháng 6/2017, lợi nhuận từ kinh doanh ông H đem lại cho Công ty phải ít nhất bằng mức thu nhập từ lương cơ bản của ông H là 4.200.000 đồng, các tháng tiếp theo lợi nhuận phải đạt 9.000.000 đồng/1 tháng. Trường hợp ông H không đạt chỉ tiêu đề ra thì Công ty sẽ bố trí cho ông H công việc khác hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với ông H. Sau khi đưa ra chỉ tiêu kinh doanh cho ông H, Công ty cũng đã gửi email nhắc nhở ông H hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra và tại phiên họp giao ban hàng tháng Công ty có xem xét về việc thực hiện chỉ tiêu của ông H. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh mà ông H đạt được trong tháng 5/2017 và 6/2017 rất thấp (Tháng 5/2017: 600.000 đồng, tháng 6/2017: 1.000.000 đồng). Do đó, Ngày 01/7/2017, Công ty đã ban hành thông báo sẽ chấp dứt hợp đồng lao động với ông H sau 45 ngày ra thông báo và ngày 10/8/2017, Công ty M đã ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông H vào ngày 15/8/2017. Việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông H là đúng quy định pháp luật theo khoản 1 và khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động. Công ty không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông H. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở phúc thẩm như sau:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và hội đồng xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48 và chấp hành đúng các quy định tại Điều 270, 285, 286 và Điều 292 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và ra thông báo thụ lý phúc thẩm, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đúng thành phần và phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 64, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trình tự thủ tục xét hỏi tại phiên tòa tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thực hiện việc ủy quyền tham gia tố tụng phù hợp quy định tại Điều 85, Điều 86 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Công ty M đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông H đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm áp dụng Nghị định 44/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/05/2003 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của bộ luật lao động về hợp đồng lao động đã hết hiệu lực pháp luật, Tòa sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1332/2019/LĐ-ST ngày 05/8/2019 của Tòa án nhân dân quận T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn: Đơn kháng cáo của ông Hoàng Quốc H trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Quốc H:

Ngày 01/01/2016, Công ty M và ông Hoàng Quốc H có ký hợp đồng lao động số HM016/HĐLĐ-BGĐ loại hợp đồng không xác định thời hạn. Công việc của ông H là nhân viên kinh doanh, mức lương là 4.200.000 đồng nhưng cộng các khoản như phụ cấp, thưởng thì hàng tháng ông H được nhận 7.524.200 đồng/tháng. Ngày 01/7/2017, Công ty M ra Thông báo số 23/TB về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với ông H và đến ngày 10/8/2017, Công ty M ra Quyết định số 27/QĐ-BGĐ chấm dứt hợp đồng lao động với Hùng, Ngày 15/8/2017, thì ông H nghỉ làm việc tại Công ty. Công ty M đã trả lương cho ông H và đã chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông H đến ngày 15/8/2017. Sổ bảo hiểm xã hội ông H đang giữ.

Căn cứ vào Điều 3 của Hợp đồng lao động số HM016/HĐLĐ-BGĐ ngày 01/01/2016 giữa ông Hoàng Quốc H và Công ty M có nội dung: " *Lương năng suất và hiệu quả : Phụ thuộc kết quả kinh doanh hàng tháng căn cứ theo Quyết định của Giám đốc phù hợp với quy chế lương của Công ty…"*

Căn cứ vào các Bản thống kê sản lượng vận tải nội địa từ tháng tháng 5/2016 đến tháng 4/2017 và sự xác nhận của hai bên đương sự tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm thì lợi nhuận từ tháng 5/2016 đến tháng hết tháng 4/2017 mà ông H đem lại cho Công ty chỉ đạt 29.666.000 đồng (trong đó tháng 5/2016, tháng 7/2016 và tháng 8/2016 ông H không đem lại gía trị lợi nhuận nào cho Công ty). Suốt thời gian từ tháng 5/2016 đến hết tháng 4/2017, ông H chỉ tìm kiếm được 03 khách hàng lẻ (tháng 6/2016, tháng 10/2016 và tháng 4/2017) và

một khách hàng ký hợp đồng vận chuyển lâu dài với Công ty Trách nhiệm hữu hạn KCTC Việt Nam (tháng 9/2016). Từ tháng 9/2016 đến tháng 4/2017 ông H không có khách hàng nào mới mà chỉ tạo lợi nhuận từ hợp đông với khách hàng cũ là Công ty Trách nhiệm hữu hạn KCTC Việt Nam.

Căn cứ vào nội dung Biên bản phiên họp ngày 25/4/2017 giữa Công ty M và ông H, Công ty M đã quy định chỉ tiêu kinh doanh cho ông H trong tháng 5/2017 và tháng 6/2017 lợi nhuận từ kinh doanh ông H đem lại cho Công ty phải ít nhất bằng mức thu nhập từ lương cơ bản của ông H là 4.200.000 đồng, các tháng tiếp theo lợi nhuận phải đạt 9.000.000 đồng/1 tháng. Trường hợp ông H không đạt chỉ tiêu đề ra thì Công ty sẽ bố trí cho ông H công việc khác hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với ông H.

Căn cứ vào nội dung Biên bản họp giao ban tháng 5/2017 của Công ty M và các email ngày 12/5/2017, ngày 25/5/2017, ngày 01/6/2017 và ngày 05/7/2017 Công ty M gửi cho trưởng phòng kinh doanh nội địa và ông Hoàng Quốc H thể hiện Công ty đã nhắc nhở bộ phận kinh doanh nội địa và ông H về việc thực hiện chỉ tiêu kinh doanh tháng 5/2017 và tháng 6/2017 mà Công ty đã đặt ra cho ông H cũng như kết quả lợi nhuận kinh doanh của ông H trong tháng 5/2017 và tháng 6/2017. Ông H không có ý kiến phản hồi hay thắc mắc khiếu nại gì về chỉ tiêu Công ty đưa ra và kết quả kinh doanh của ông H trong tháng 5/2017 và tháng 6/2017.

Căn cứ vào Bản thống kê sản lượng vận tải nội địa tháng 5/2017 và tháng 6/2017 và sự xác nhận của hai bên đương sự tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm thì lợi nhuận tháng 5/2017 và thàn 6/2017 mà ông H đem lại cho Công ty chỉ đạt 1.600.000 đồng (trong đó tháng 5/2017 chỉ có hai khách hàng lẻ, lợi nhuận đạt được: 600.000 đồng và tháng 7/2017 không có khách hàng mới nào, lợi nhuận thu được là 1.000.000 đồng từ khách hàng cũ là Công ty Trách nhiệm hữu hạn KCTC Việt Nam).

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy trong một thời gian dài từ tháng 5/2016 đến hết tháng 4/2017 ông H chỉ tìm kiếm được 03 khách hàng lẻ và 01 khách hàng ký hợp đồng vận chuyển lâu dài nhưng không liên tục. Lợi nhuận mà ông H mang lại cho Công ty rất thấp chỉ đạt 29.000.000 đồng không đủ trả lương cơ bản cho ông H và chỉ bằng 30% tiền lương Công ty đã trả cho ông H. Sau khi Công ty quy định chỉ tiêu hoàn thành nhiệm vụ cho ông H theo Biên bản họp ngày 25/4/2017. Công ty đã nhiều lần nhắc nhở về thực hiện chỉ tiêu kinh doanh và kết quả thực hiện chỉ tiêu kinh doanh qua các email cho ông H. Tuy nhiên, lợi nhuận tháng 5/2017 và tháng 6/2017 mà ông H đem lại cho Công ty chỉ đạt 1.600.000 đồng là quá thấp so với chỉ tiêu Công ty đặt ra. Ông H đã thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động đã ký kết, vi phạm điểm a khoản 1 Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012.

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng Biên bản phiên họp ngày 25/4/2017 có sự tham gia của ông H nhưng ông H không ký xác nhận, hai trang đầu của biên bản phiên họp không có chữ ký của ông H. ông H không rõ lắm chỉ tiêu kinh doanh mà Công ty đưa ra. Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình xét xử vụ án, ông H xác nhận ông H có tham gia cuộc họp ngày 25/4/2017, xác nhận chữ ký và chữ viết cuối biên bản cuộc họp là chữ viết và chữ ký của ông H. Ông H cho rằng ông không nắm rõ nội dung cuộc họp nhưng lại nêu ý kiến chưa đồng ý mức chỉ tiêu mà Ban giám đốc và trưởng bộ phận đã đưa ra ở trên. Mặt khác tại các email Công ty M gửi cho ông H có nội dung nhắc nhở ông H thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận tháng 5/2017 và tháng 6/2017 đả được Công ty quy định tại Biên bản cuộc họp ngày 25/4/2017. Mặc dù tiêu chí đáng giá mức độ hoàn thành công việc của ông H không quy định cụ thể trong hợp đồng lao động, quy chế nội bộ của Công ty. Tuy nhiên, tiêu chí này đã được quy định trong Biên bản cuộc họp ngày 25/4/2017, kể cả quy định về hậu quả của việc không hoàn thành chỉ tiêu Công ty đề ra. Trong thời gian dài, lợi nhuận kinh doanh ông H đạt được rất thấp, ông H biết nhưng không cố gắng và sau khi Công ty quy định chỉ tiêu lợi nhuận thì lợi nhuận kinh doanh ông H đạt được còn thấp hơn khi chưa quy định chỉ tiêu lợi nhuận kinh doanh cho ông H. Do đó lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của ông H không có cơ sở xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, có đủ sơ sở xác định Công ty M đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Hoàng Quốc H theo Quyết định số 27/QĐ-BGĐ ngày 10/8/2017 là đúng quy định pháp luật. Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Nghị định 44/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/05/2003 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về hợp đồng lao động đã hết hiệu lực pháp luật là thiếu sót, Tòa cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.2] Về án phí :

- Án phí lao động sơ thẩm: Ông Hoàng Quốc H không phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Án phí lao động phúc thẩm: Ông Hoàng Quốc H không phải chịu án phí lao động phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 12 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của bộ luật lao động về hợp đồng lao động;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn - ông Hoàng Quốc H.

Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 1332/2019/LĐ-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Hoàng Quốc H đối với các yêu cầu sau:

- Trả tiền lương trong thời gian không được làm việc do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật: 7.524.200 đồng x 23,5 tháng = 176.818.700 (Một trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm mười tám nghìn bảy trăm) đồng.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật: 7.524.200 đồng x 02 = 15.048.400 (Mười lăm triệu không trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm) đồng.

- Trợ cấp 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật: 7.524.200 đồng x 02 = 15.048.400 (Mười lăm triệu không trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm) đồng.

- Đóng tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp là: 36.341.170 (Ba mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn một trăm bảy mươi) đồng.

Tổng cộng là: 243.256.670 (Hai trăm bốn mươi ba triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi) đồng, trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu Công ty M nhận ông Hoàng Quốc H trở lại làm việc.

3. Về án phí:

- Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Hoàng Quốc H không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

- Về án phí lao động phúc thẩm: Ông Hoàng Quốc H không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận T, TP. Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T, TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu (T20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thoa